CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XD VINAINCON

BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----------o0o----------

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
VỀ KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

- Căn cứ điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 21/01/2016;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 19/05/2019 và các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon năm 2018;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tình hình hoạt động của BKS năm 2018;
2. Kết quả thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ thường niên năm 2018;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2018;
4. Hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc điều hành;
5. Nhận xét và một số kiến nghị của Ban kiểm soát.

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2018:

- Xem xét các báo cáo tổng kết tài chính, sản xuất, kinh doanh của phòng Tài chính kế toán và các phòng ban có liên quan cung cấp.
- Kiểm tra tình hình hoạt động của Công ty.
- Phối hợp với các đơn vị, phòng ban để thực hiện công việc giám sát.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2018

2.1. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2018

Chỉ tiêu	Đ.vị	TH 2017	Nghị quyết 2018	TH 2018	Tỷ lệ %	
					TH/ NQ	TH 2018/ 2017
A	B	(1)	(2)	(3)	(3)/(2)	(3)/(1)
1. Vốn điều lệ	**Tr.đ**	**30.000**	**30.000**	**30.000**	**100%**	**100%**
2. Tổng Doanh thu	**Tr.đ**	**599.619**	**511.488**	**834.034**	**163%**	**139%**
+ Doanh thu xây lắp	Tr.đ	483.640	463.688	571.643	123%	118%

Chỉ tiêu	Đ.vị	TH 2017	Nghị quyết 2018	TH 2018	Tỷ lệ %	
					TH/ NQ	TH 2018/ 2017
A	B	(1)	(2)	(3)	(3)/(2)	(3)/(1)
+ Doanh thu dịch vụ tư vấn	Tr.đ	14.680	7.800	9.756	125%	66%
+ Dịch vụ thương mại	Tr.đ	96.074	40.000	230.383	576%	240%
+ Doanh thu TC và TN khác	Tr.đ	5.811		22.252		
3. Tổng chi phí	**Tr.đ**	**591.695**	**501.488**	**820.078**	**163%**	**138%**
4. Lợi nhuận sau thuế	**Tr.đ**	**7.923**	**8.000**	**11.098**	**138%**	**140%**
5. Tỷ lệ cổ tức	**Tr.đ**	**20%**	**20%**	**25%**	**125%**	**125%**
6. Tổng qũy lương	**Tr.đ**	**43.490**		**39.490**		
+ Lương cán bộ văn phòng	Tr.đ	13.025	14.000	13.994	99%	107%
+ Lương tại các BĐH	Tr.đ	16.579		14.668		88%
+ Lương công nhân thuê ngoài	Tr.đ	13.886		11.278		81%
8. Thu nhập bình quân lao động gián tiếp (VP + BĐH) BQ 236 người	**trđ/ng/th**	**12,3**	**13,5**	**14,1**	**104%**	**115%**
9. Đầu tư nâng cao năng lực SX	**Tr.đ**	**6.604**	**10.000**	**1.803**	18%	27%

Nhân xét :

a/ Về Doanh thu:

Tổng doanh thu và thu nhập năm 2018 là 834.034 triệu đồng hoàn thành vượt mức so với Nghị quyết là 63%. Trong đó:

- Doanh thu xây lắp thực hiện là 571.643 triệu đồng, vượt 23% và tăng trưởng so với năm 2017 là ≈ 18%.
- Doanh thu dịch vụ khác là 230.383 triệu đồng, nhưng thực tế doanh thu tạo ra giá trị mới chỉ là **48.567 triệu đồng** và hiệu quả kinh doanh cho đơn vị chỉ là 1.291 triệu đồng do năm 2018 đơn vị thực hiện nhiều hợp đồng kinh doanh chủ yếu là để hỗ trợ công việc cho một số đơn vị sản xuất khác chưa đủ năng lực cạnh tranh trực tiếp trên thị trường.

b/ Về lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty là **11.098 triệu đồng** tăng 38**%** so với Nghị quyết. Lợi nhuận gộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị qua các lĩnh vực kinh doanh chưa bao gồm chi phí quản lý và lãi vay là: 18.180 triệu đồng cụ thể như sau:

TT	Lĩnh vực kinh doanh	Doanh thu (trđ)	Chi phí Trực tiếp	Lợi nhuận gộp (trđ)
1	Xây lắp	571.643	557.552	14.091
2	Tư vấn	9.756	6.958	2.798
3	Kinh doanh khác	230.383	229.092	1.291
	Tổng cộng	**811.782**	**793.602**	**18.180**

c/ Về chi phí tiền lương

Tổng quỹ lương quản lý của đơn vị bao gồm lương văn phòng và quản lý tại các BĐH dự án thực tế đã trích trong năm 2018 là **39.490 triệu đồng** trong đó: quỹ lương khối văn phòng là 13.994 triệu đồng tương đương nghị quyết ĐHĐCĐ 2018 (quỹ lương văn phòng được duyệt là 14.000 tr.đồng); Quỹ lương ban điều hành là: 14.668 triệu đồng; lương công nhân trực tiếp là 11.278 triệu, chi phí tiền lương Ban điều hành chiếm khoảng 2,5% doanh thu xây lắp là phù hợp với thực tế quản lý chung của đơn vị như hiện nay.

d/ Về chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2018 trên BCTC là 20.627 triệu đồng, thực chất chi phí QLDN phát sinh năm 2018 là 13.568 triệu đồng, trong năm Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi 7.549 triệu đồng vào chi phí QLDN. Chi phí QLDN phát sinh trong năm chủ yếu là chi phí lương, tiền ăn ca, bảo hiểm của cán bộ gián tiếp tại văn phòng Công ty.

e/ Tình hình thực hiện nghĩa vụ BHXH,BHYT, BHTN

Trong năm Công ty đã thực hiện trích nộp BHXH, BHYT cho CBCNV Công ty và lao động thuê ngoài từ thời hạn trên 3 tháng số tiền như sau:

Số phải nộp đầu năm: 4 triệu, số phát sinh phải nộp trong năm : 3.073 triệu; Số đã nộp: 3.071 triệu; Số còn phải nộp : 3 triệu đồng. Công ty đã cân đối thu xếp nộp đủ BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Đảm bảo quyền lợi cho CBCNV.

e/ Chi phí khấu hao TSCĐ

Năm 2018, chi phí khấu hao TSCĐ của công ty là: **4.300 triệu đồng**, Công ty thực hiện trích khấu hao đúng quy định theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

2.2 Công tác đầu tư, mua sắm TSCĐ trong năm 2018

Năm 2018 đơn vị thực hiện mua sắm, đầu tư TSCĐ để phục vụ công tác thi công và cho các đơn vị trong Tổng công ty thuê, giá trị TSCĐ mua sắm trong năm 2018 là: 1.803 triệu đồng trong đó: mua sắm TSCĐ là 1.108 triệu đồng, đầu tư xưởng phun sơn tại Công ty TNHHMTV Cơ khí Hóa chất Hà Bắc là: 694 triệu đồng mục đích để cho thuê TSCĐ, giá thuê theo phương án tương đương với chi phí khấu hao TSCĐ. Công ty đã tăng TSCĐ nhà phun sơn tại Hà Bắc và phân bổ khấu hao tuy nhiên chưa làm thủ tục quyết toán đầu tư, chưa viết hóa đơn GTGT phần cho thuê TSCĐ cho bên thuê.

Ngoài ra thực hiện thanh lý một số tài sản không cần dùng giá trị thanh lý theo nguyên giá là 3.060 triệu. Lợi nhuận thu được từ thanh lý TSCĐ là 368 triệu đồng.

2.3. Dự kiến Nghị quyết phân phối lợi nhuận năm 2018

Trên cơ sở báo cáo tài chính đã được kiểm toán về kết quả kinh doanh năm 2018 của Công ty, lợi nhuận sau thuế của Công ty là **11.098 triệu đồng**. Ban kiểm soát nhất trí với đề xuất của HĐQT về việc phân phối lợi nhuận tại báo cáo ĐHCĐ về kết quả SXKD năm 2018 của HĐQT Công ty.

2.4. Nghị quyết về trả cổ tức năm 2017 và thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2018

Đơn vị đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 số tiền 6.000 triệu đồng và chi trả thù lao năm 2018 cho HĐQT và BKS theo đúng tinh thần nghị quyết ĐHĐCĐ 2018 đã được thông qua ngày 19/5/2018 số tiền: 216 triệu đồng.

2.5. Nghị quyết thống nhất thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018

Công ty đã thực hiện đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018, uỷ quyền cho HĐQT thuê Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018, trình tự, thủ tục thực hiện, ký hợp đồng kiểm toán đúng theo điều lệ Công ty.

III . ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

1. Một số thông tin tài chính cơ bản trong báo cáo tài chính năm 2018

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng VINAINCON do Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam thực hiện, đã được lập và kiểm toán theo đúng quy định.

Một số chỉ tiêu chủ yếu trên Báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: VN Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Ghi chú
I	**Tổng tài sản**	**341.776.473.142**	**248.083.400.913**	
1	Tài sản ngắn hạn	325.248.919.511	255.574.084.995	
-	Phải thu khách hàng	166.567.038.401	179.055.027.122	
-	Hàng tồn kho	59.966.700.575	22.802.921.732	
-	Dự phòng phải thu khó đòi	(17.074.385.647)	(9.525.305.847)	
2	Tài sản dài hạn	16.527.553.631	22.509.315.918	
-	Tài sản cố định	16.161.230.036	21.419.699.177	
II	**Tổng nguồn vốn**	**341.776.473.142**	**248.083.400.913**	
1	Nợ phải trả	296.360.974.976	206.865.732.537	
-	Nợ ngắn hạn	296.360.974.976	206.865.732.537	
+	Phải trả người lao động	6.762.730.942	9.496.115.394	
+	Phải trả người bán	122.817.704.507	117.208.567.554	
+	Nợ ngân sách NN	1.286.029.765	828.087.008	
+	Dự phòng phải trả ngắn	44.036.543.218	40.436.136.231	

TT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Ghi chú
	hạn			
2	Vốn chủ sở hữu	30.000.000.000	30.000.000.000	
3	Quỹ đầu tư phát triển	4.317.668.376	3.294.774.508	
III	**Kết quả kinh doanh**			
1	Doanh thu thuần	811.782.206.903	593.808.078.110	*Bao gồm cả 183 tỷ doanh thu nội bộ chưa loại trừ của năm 2018*
2	Lợi nhuận trước thuế	13.956.233.906	10.146.156.329	
3	Lợi nhuận sau thuế	11.097.829.790	7.922.893.868	

2. <u>Một số nội dung trong báo cáo tài chính năm 2018</u>

✓ **<u>Công tác xác nhận đối chiếu công nợ phải thu, phải trả</u>**

Công ty đã thực hiện đối chiếu công nợ phải thu, phải trả theo quy định tại ngày 31/12/2018, tuy nhiên thu thập chưa được đầy đủ (phải thu đạt 97%, phải trả đạt 54%). Tại ngày 31/12/2018 số dư công nợ các khoản phải thu ngắn hạn là: 187.298 triệu đồng, tăng 5% so với năm 2017; Công nợ phải trả ngắn hạn là 296.361 triệu đồng, tăng 43% so với năm 2017.

✓ **<u>Công tác quản lý công nợ:</u>**

+ Công nợ tạm ứng: Số dư công nợ tạm ứng đến 31/12/2018 là: **37.223 triệu đồng**, trong đó tạm ứng cá nhân: **347 triệu đồng**; Tạm ứng tại các ban điều hành, dự án, B phụ : **36.876 triệu đồng**; Công ty đã trích dự phòng phải thu khó đòi cho một số khoản công nợ đã tạm ứng cho B khó có khả năng thu hồi số tiền **3.286** triệu đồng và trích trước đủ công nợ tạm ứng tại các ban điều hành là **2.414 triệu đồng,** sẽ hoàn ứng vào năm 2019.

+ **Công nợ phải thu của khách hàng**: Đến thời điểm 31/12/2018 là 166.567 triệu đồng. Trong năm 2018 đơn vị đã thực hiện tốt việc thu vốn. Tính đến thời điểm 31/12/2018, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi số tiền là 17.074 triệu đồng. Trong đó có 3.400 triệu đồng chắc chắn không thu được.

+ Công nợ phải trả ngắn hạn: đến 31/12/2018, tổng số công nợ phải trả ngắn hạn là 296.360 triệu đồng, trong đó nợ phải trả người bán là 122.818 triệu đồng, tăng 5.609 triệu đồng so với số dư đầu năm; nợ NSNN: 1.286 triệu đồng (trong đó thuế TNDN: 1.013 triệu, thuế TNCN: 273 triệu) khoản nợ thuế này đã thực hiện nộp trong quý 1/2019; nợ người lao động 6.762 triệu đồng (trong đó : 4.172 là 17% quỹ lương dự phòng và lương tháng 12/2018); Dư vay ngắn hạn: 24.145 triệu đồng (trong đó nợ NHTMCP Việt Nam Thịnh vượng 19.146 triệu (Công trình LG), vay cá nhân: 5.000 triệu). Vay Ngân hàng thời hạn vay 5 tháng, vay cá nhân không chịu lãi suất (Đến ngày 05/03/2019 Công ty đã trả hết nợ).

✓ **<u>Công tác quản lý hàng tồn kho, TSCĐ, CCDC</u>**

Tại ngày 31/12/2018, giá trị hàng tồn kho của Công ty là: 56.170 triệu đồng, tăng

2,65 lần so với cùng kỳ năm 2017 *(thời điểm 31/12/2017 hàng tồn kho của đơn vị là 21.171 triệu đồng)*. Với mức chi phí dở dang cuối kỳ như trên hiện tại phản ánh đơn vị chưa có rủi ro đối với các đối tượng chi phí dở dang này, tuy nhiên đơn vị vẫn cần phải đi kiểm kê thực tế tại các dự án mới đảm bảo tính an toàn và hiệu quả tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới, 3 tháng đầu năm 2019 các dự án có khối lượng tồn kho lớn như Dự án Nhà kho Bắc Ninh và Dự án Nhà máy LG Hải Phòng *(Kết cấu thép)* đã được quyết toán và ghi nhận doanh thu nên không có rủi ro cho năm tài chính 2019.

Ngoài ra đến 31/12/2018 nguyên giá TSCĐ của Công ty là: 26.574 triệu đồng, giá trị đã khấu hao: (10.413) triệu đồng;

Giá trị công cụ dụng cụ tại Công ty và các ban điều hành tồn kho đầu năm là 158 triệu, mua trong năm 339 triệu đồng, đã phân bổ vào KQSXKD là: 251 triệu đồng; chi phí công cụ dụng cụ chưa phân bổ vào KQSXKD là 247 triệu. Đơn vị đã thực hiện kiểm kê và đang rà soát phân loại TSCĐ, công cụ dụng cụ.

- ✓ **Công tác hạch toán giá thành**

Công ty đã thực hiện công tác kiểm kê khối lượng dở dang của từng dự án nhưng qua kiểm tra Ban Kiểm soát nhận thấy việc kiểm kê của đơn vị vẫn chưa chính xác. Việc xác định chính xác chi phí dở dang cuối kỳ ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả SXKD hàng năm của Công ty.

Công ty chưa thực hiện việc lập kế hoạch sản xuất và báo cáo hiệu quả cho từng dự án/ hợp đồng riêng biệt để giúp lãnh đạo đơn vị nắm bắt tổng thể hiệu quả của từng dự án. Vấn đề này đã được Ban kiểm soát khuyến nghị qua nhiều năm nhưng đơn vị vẫn chưa thực hiện.

Việc phân bổ chi phí quản lý theo từng dự án của đơn vị chưa có nguyên tắc hạch toán chung nên người quản lý sẽ khó có thể nhận thấy hiệu quả chính xác của từng hợp đồng.

3. Công tác ký kết và thực hiện các hợp đồng

Tổng giá trị hợp đồng ký mới trong năm 2018 khoảng 450 tỷ đồng. Các hợp đồng ký mới của đơn vị năm 2018 bao gồm Công ty TNHH LINFOX và một số khách hành truyền thống thuộc SAMSUNG, và LG, DOOSUNG….

Năm 2018 ngoài các hợp đồng xây lắp truyền thống, đơn vị đã thực hiện **48,58 tỷ đồng** hợp đồng dịch vụ sản xuất kinh doanh khác nhằm tạo việc làm và hỗ trợ tài chính cho một số công ty liên kết nhưng không đem lại hiệu quả cho đơn vị.

4. Công tác tiền lương

Thu nhập bình quân lương của lao động gián tiếp: 14,1 triệu đ/người/tháng; lao động trực tiếp là: 7,7 triệu đ/người/tháng. Trong năm số lượng lao động bình quân của Công ty là 236 người bao gồm: lao động gián tiếp tại văn phòng: 65 người, tại các ban điều hành công ty ký hợp đồng và giám đốc ban điều hành ký: 79 người; Công nhân lao động trực tiếp:122 người. Tổng quỹ lương thực hiện đã trích trong năm 39.940 triệu đồng, trong đó: quỹ lương cho bộ phận gián tiếp tại Văn phòng: 13.994 triệu đồng; cho các ban điều hành: 14.668 triệu đồng; cho công nhân lao động trực tiếp: 11.278 triệu đồng; Quỹ tiền lương công nhân lao động trực tiếp của năm 2018 giảm so với năm 2017 (năm 2017 tiền lương công nhân trực tiếp là hơn 13.886 triệu đồng), năm 2018 Công ty

sử dụng các nhà thầu phụ nhiều hơn. Lương đã chi trong năm 42.005 triệu đồng. Số lương kết dư sang năm 2019 số tiền: 6.763 triệu đồng bao gồm tiền lương phải trả tháng 12 năm 2018 cho CBCNV, các ban điều hành và 17% nguồn lương dự phòng cho năm 2018 của Công ty.

IV. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, TỔNG GĐ CÔNG TY NĂM 2018

Trong năm HĐQT đã thực hiện họp và thông qua các nghị quyết. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Năm 2018 không có khiếu kiện gì liên quan đến công tác điều hành của Hội đồng quản trị Công ty. Đã ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty theo quy định.

Năm 2018, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã rất có nhiều cố gắng trong công tác quản lý và điều hành với tinh thần trách nhiệm cao, tập trung chỉ đạo, có những giải pháp cụ thể trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Cùng với nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên nên hoạt động của Công ty được duy trì ổn định, đã hoàn thành vượt mức ở các chỉ tiêu cơ bản nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các mặt công tác khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đã được thông qua. Ngoài ra, tính đến thời điểm 31/12/2018 đơn vị còn một số nguồn dự phòng số tiền: 67.792 triệu đồng, bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi: 17.074 triệu đồng;
- Dự phòng chi phí bảo hành: 44.037 triệu đồng;
- Dự phòng chi phí tiền lương: 6.681 triệu đồng.

VI. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ theo quy định hiện hành.
2. Thực hiện công tác đối chiếu công nợ phải thu/ phải trả, tập trung đối với các công nợ phải thu để tránh rủi ro cho đơn vị.
3. Rà soát, kiểm kê chi phí dở dang của các công trình để có căn cứ ghi nhận doanh thu cho chính xác. Hoàn thiện quy trình trong công tác kiểm kê tài sản, phân loại và quản lý tài sản;
4. Công ty phải thực hiện việc lập kế hoạch sản xuất và báo cáo hiệu quả cho từng dự án/ hợp đồng riêng biệt để giúp lãnh đạo đơn vị nắm bắt tổng thể hiệu quả của từng dự án.
5. Hoàn thiện các thủ tục liên quan đến mua sắm, thanh lý TSCĐ.
6. Hoàn thiện các hồ sơ liên quan đến cho thuê tài sản để có căn cứ xác định công nợ với các đối tượng thuê.
7. Kiến nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phê duyệt quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2018 của người lao động trực tiếp và các Ban điều hành dự án là 14.668 triệu đồng + 11.278 triệu đồng = 25.946 triệu đồng.

Trên đây là những nội dung chủ yếu Ban kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty trong năm 2018. Kính mong quí vị đóng góp ý kiến.

Thay mặt Ban kiểm soát tôi xin chân thành cảm ơn HĐQT, Ban Giám đốc, các phòng chức năng, các cổ đông và CBCNV Công ty đã tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

T/M BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban
(Đã ký)

Trần Thị Minh

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông (để báo cáo);
- HĐQT Công ty;
- Thành viên BKS.